

Số: 13/2023/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 18 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước
trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6
năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm
bồi thường của Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước
về công tác bồi thường nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực
hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện
công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

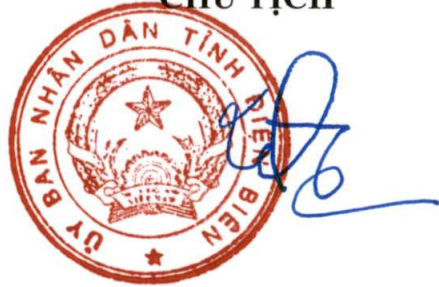
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

**QUY CHẾ**

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Kèm theo Quyết định số 73/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật TNBTCNN trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Đảm bảo nguyên tắc phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Xác định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan nhằm bảo đảm giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, đúng pháp luật.

4. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về công tác bồi thường nhà nước.

2. Bố trí đầu mỗi phụ trách công tác bồi thường nhà nước.
3. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, kỹ năng nghiệp vụ, chuyên môn công tác bồi thường nhà nước cho người được giao thực hiện công tác bồi thường nhà nước; hướng dẫn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.
4. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước.
5. Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước.
6. Tham gia xác minh thiệt hại; thương lượng việc bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại.
7. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.
8. Báo cáo, thống kê về việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.
3. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức cuộc họp liên ngành.
4. Các hình thức phối hợp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương II NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về công tác bồi thường nhà nước

1. Hằng năm, Sở Tư pháp căn cứ hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác bồi thường nhà nước của Bộ Tư pháp, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Căn cứ vào kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị) ban hành kế hoạch công tác bồi thường nhà nước hoặc lồng ghép vào kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 6. Bố trí đầu mỗi phụ trách công tác bồi thường nhà nước

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí đầu mỗi phụ trách công tác bồi thường nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình; gửi thông tin về đầu mỗi phụ trách đến Sở Tư pháp. Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đầu mỗi phụ trách, các cơ quan, đơn vị kịp thời gửi văn bản đến Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp danh sách đầu mỗi phụ trách công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị cử người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ do Sở Tư pháp chủ trì tổ chức.

Điều 8. Xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 41 Luật TNBTCNN.

2. Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo khoản 1 Điều này.

Điều 9. Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 năm 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Cục Thi hành án dân sự hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự;

b) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều này.

Điều 10. Tham gia xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

1. Xác minh thiệt hại

Trong trường hợp vụ việc phức tạp, cơ quan giải quyết bồi thường có thể đề nghị đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính phối hợp tham gia việc xác minh các thiệt hại.

2. Thương lượng việc bồi thường

a) Cơ quan giải quyết bồi thường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, người yêu cầu bồi thường, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp (nếu có) của người yêu cầu bồi thường tiến hành thực hiện việc thương lượng theo Điều 46 Luật TNBTCNN.

b) Trường hợp vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động tổ tụng hình sự, cơ quan kiểm sát có thẩm quyền cử đại diện tham gia tiến hành việc thương lượng.

c) Trường hợp cần thiết, cơ quan giải quyết bồi thường có thể mời đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, cá nhân, tổ chức khác, yêu cầu người thi hành công vụ gây thiệt hại tham gia thương lượng.

d) Sở Tư pháp cử đại diện tham gia thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh.

3. Xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan khác nhau cùng gây thiệt hại

a) Cơ quan đã chi trả bồi thường thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả theo khoản 3 Điều 28 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, bao gồm đại diện: Lãnh đạo cơ quan đã chi trả tiền bồi thường (Chủ tịch Hội đồng); lãnh đạo các cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan khác nhau cùng gây thiệt hại; Công đoàn cơ sở của cơ quan đã chi trả tiền bồi thường (trường hợp có nhiều người thi hành công vụ thuộc nhiều cơ quan khác nhau gây thiệt hại thì phải có đại diện Công đoàn cơ sở của các cơ quan đó); cơ quan đã ban hành văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong trường hợp văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường không có nội dung xác định lỗi của người thi hành công vụ; cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý, sử dụng, trả lương cho người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp người đó đã chuyển sang cơ quan, tổ chức khác; cơ quan Bảo hiểm xã hội đang chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu; các thành phần khác mà cơ quan đã chi trả tiền bồi thường thấy cần thiết.

b) Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả theo điểm a khoản này theo đề nghị của cơ quan đã chi trả tiền bồi thường.

Điều 11. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước,

thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước

1. Theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước

a) Sở Tư pháp chủ trì theo dõi, đôn đốc công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

b) Các cơ quan, đơn vị theo dõi công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi, lĩnh vực quản lý có trách nhiệm gửi văn bản về quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả cho Sở Tư pháp theo Điều 12 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.

c) Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp thống nhất nội dung trước khi đôn đốc công tác bồi thường nhà nước; chủ trì thực hiện việc đôn đốc theo thẩm quyền trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp theo Điều 15 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

2. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường của nhà nước

a) Hằng năm, Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác bồi thường nhà nước định kỳ hoặc đột xuất. Đối với kiểm tra định kỳ hằng năm, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành kế hoạch kiểm tra trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

b) Khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực bồi thường nhà nước, Sở Tư pháp tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất theo đúng quy định.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước theo thẩm quyền, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Báo cáo, thống kê về việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Sở Tư pháp trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 10 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

2. Sở Tư pháp chủ trì, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước gửi Bộ Tư pháp trước ngày 08 tháng 12 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 31 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

3. Nội dung báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều 24 Thông tư số 08/2019/TT-BTP (Biểu mẫu báo cáo từ Biểu mẫu

số 01 đến Biểu mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP).

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiến nghị, yêu cầu người có thẩm quyền thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong một số trường hợp cụ thể quy định tại khoản 2 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30 Thông tư số 08/2019/TT-BTP.

Điều 14. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật hiện hành; gửi bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về giải quyết yêu cầu về trách nhiệm bồi thường của nhà nước cho Sở Tư pháp và các cá nhân, tổ chức khác theo quy định của Luật TNBTCNN và quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Thực hiện phản hồi kiến nghị về vướng mắc phát sinh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ Tư pháp.

Điều 15. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

5. Thực hiện phản hồi kiến nghị về vướng mắc phát sinh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ Tư pháp.

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự, hoạt động thi hành án hình sự, hoạt động quản lý hành chính trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

5. Thực hiện phản hồi kiến nghị về vướng mắc phát sinh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ Tư pháp.

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Thi hành án dân sự

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

5. Thực hiện phản hồi kiến nghị về vướng mắc phát sinh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ Tư pháp.

Điều 18. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội tỉnh

1. Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hệ thống các cơ quan Bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

5. Cơ quan Bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ mà trước đó đã gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện phản hồi kiến nghị về vướng mắc phát sinh của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của Bộ Tư pháp.

Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Hằng năm, căn cứ thực tế số tiền bồi thường, chi phí cho việc định giá tài sản, giám định thiệt hại đã cấp phát của năm trước và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Sở Tài chính lập dự toán kinh phí bồi thường của cơ quan giải quyết bồi thường được bảo đảm kinh phí hoạt động từ ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

4. Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường, chi trả tiền bồi thường và thực hiện quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.

2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.

3. Chỉ đạo cơ quan trực thuộc, cơ quan cấp dưới thực hiện giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo đúng quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo Phòng Tư pháp làm đầu mối tham mưu, tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã giao công chức Tư pháp - Hộ tịch làm đầu mối tham mưu, tổng hợp, thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn theo quy định.

Điều 21. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc khác tại tỉnh; cơ quan, tổ chức cá nhân khác có liên quan

1. Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Chương II Quy chế này.
2. Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm về giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả theo thẩm quyền.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan cung cấp tài liệu, chứng cứ làm cơ sở cho việc xác minh thiệt hại, đề nghị định giá tài sản, giải quyết thiệt hại hoặc lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức có liên quan về thiệt hại, mức bồi thường khi có yêu cầu.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng các quy định tại Quy chế này.
 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
 3. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh hoặc có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định pháp luật hiện hành./.
-